

Số: 1157/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/2017/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 15 (mười lăm) phân bón lưu hành tại Việt Nam (*Danh sách kèm theo*) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty cổ phần GAP Việt Nam

Địa chỉ: Số 01, Ngõ 36, phố Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02439998887 ;

Fax: 02437728384;

Mã số doanh nghiệp: 0104264800

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2018 đến ngày 28 tháng 8 năm 2023.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLBP (4b).

**CỤC TRƯỞNG**



**Hoàng Trung**

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GAP VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1457/QĐ-BVTV-PB ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)*



STT	Loại phân bón <sup>(*)</sup>	Tên phân bón	Mã số phân bón	Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng	Phương thức sử dụng <sup>(***)</sup>	Hướng dẫn sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Phân ure	DẠM GAP	14562	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 46% Biuret: 1%; Độ ẩm: 1%.	Bón rải <sup>(v)</sup>	1) Cây lúa: 150-200 kg/ha/vụ. Chia làm 3 lần bón 7-10 ngày, 20-25 ngày và 40-45 ngày sau sạ. 2) Cây công nghiệp: 0,5-2 kg/cây/năm. Chia làm 3 lần bón, mỗi đợt bón cách nhau 30-45 ngày. 3) Cây mía: 100-140 kg/ha/vụ. Chia bón lót, sau trồng 30-35 ngày và 70-95 ngày sau trồng. 4) Cây ăn trái: 200-260 kg/ha/năm. Chia bón sau thu hoạch, trước ra hoa và trước thu hoạch 15 ngày. 5) Rau màu: 50-100 kg/ha/vụ. Chia bón 2 lần/vụ, bón lần 1 sau trồng/gieo 15 ngày, cách 30 ngày bón lần 2.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân bón hỗn hợp NPK	FRUITGAP	14563	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 8%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5(hh)</sub> ): 3%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 16%; Độ ẩm: 5%.	Bón rải <sup>(v)</sup>	1) Cây ăn quả: + Cây 1-3 năm tuổi, bón 0,2-0,3 kg/cây/năm, bón 3 lần/năm + Cây 4-6 năm tuổi, bón 0,3-0,5 kg/cây/năm, bón 3 lần/năm + Cây 7-8 năm tuổi, bón 0,4-0,7 kg/cây/năm, bón 3 lần/năm. 2) Cây lạc: Bón lót 4,5-5 kg/360 m <sup>2</sup> , bón thúc 1,5-1,75 kg/360 m <sup>2</sup> /lần, bón 2 lần/vụ. 3) Chuối: Bón lót 55-70 g/cây, bón thúc 24-30 g/cây/lần. 4) Chè: Bón 360-420 kg/ha/vụ, bón vào thời kỳ sau đốn và sau 2 đến 3 lần hái. 5) Ngô: Bón 4,5-7 kg/360 m <sup>2</sup> /lần dùng cho bón lót và bón thúc	24 tháng kể từ ngày sản xuất
3	Phân bón hỗn hợp NPK	PLUSGAP	14564	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 10%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5(hh)</sub> ): 3%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 10%; Độ ẩm: 5%.	Bón rải <sup>(v)</sup>	1) Cây lúa: 150-200 kg/ha/vụ. Chia vào thời kỳ 7-10 ngày, 20-25 ngày và 40-45 ngày sau sạ. 2) Cây công nghiệp: 0,5-2 kg/cây/năm. Chia làm 3 lần bón mỗi đợt bón cách nhau 30-45 ngày. 3) Cây mía: 100-140 kg/ha/vụ. Chia bón lót trước khi trồng,	24 tháng kể từ ngày sản





	vi lượng		Lân hữu hiệu ( $P_2O_{5nh}$ ): 6%; Canxi (Ca): 1,43%; Độ ẩm: 1%		quả và hoa màu, bón 18-35 kg/sào 360 m <sup>2</sup> ; 25-50 kg/sào 500 m <sup>2</sup> và 500-1.000 kg/ha, dùng để bón lót và bón thúc (2 lần mỗi lần cách nhau 20 ngày).	thảm kê t ngà sản xuất
9	Phân bón hữu cơ sinh học	VINA GAP	14570	Chất hữu cơ: 23%; Axit humic (C): 2,5%; Đạm tổng số ( $N_{ts}$ ): 2,8%; Độ ẩm: 20%; pH <sub>H<sub>2</sub>O</sub> : 5.	Bón rễ <sup>(b)</sup>	24 thảm kê t ngà sản xuất
10	Phân bón lá hỗn hợp NPK	FRES GAP	14571	Đạm tổng số ( $N_{ts}$ ): 10%; Lân hữu hiệu ( $P_2O_{5nh}$ ): 10%; Kali hữu hiệu ( $K_2O_{nh}$ ): 7%; Canxi (Ca): 0,08 %; Mangan (Mn): 800 ppm; Kẽm (Zn): 400 ppm; Sắt (Fe): 200 ppm; Đồng (Cu): 100 ppm; Bo (B): 200 ppm; pH <sub>H<sub>2</sub>O</sub> : 5; Tỷ trọng: 1,14.	Bón lá <sup>(b)</sup>	24 thảm kê t ngà sản xuất
11	Phân bón lá NPK sinh học	POWER GAP	14572	Đạm tổng số ( $N_{ts}$ ): 8%; Lân hữu hiệu ( $P_2O_{5nh}$ ): 5%; Kali hữu hiệu ( $K_2O_{nh}$ ): 2%; Axit humic (C): 1,5%; Mangan (Mn): 600 ppm; Kẽm (Zn): 600 ppm; Đồng (Cu): 400 ppm; Bo (B): 100 ppm;	Bón lá <sup>(1)</sup>	24 thảm kê t ngà sản xuất

			<p>pH<sub>H<sub>2</sub>O</sub>: 5; Tỷ trọng: 1,14.</p>		<p>1phun sau trồng/gieo 15 ngày, lần 2 cách lần 1, 30 ngày. 4. Cây ăn quả: Phun 2,5-3,5 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước, phun vào giai đoạn đâm nhánh, tạo tán, dưỡng cây sau thu hoạch hoặc sau khi đốn tỉa cành, tạo tán mới.</p>
12	Phân bón lá hỗn hợp NPK	GREEN GAP	14573	Bón lá <sup>(1)</sup>	<p>1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, sắn/khoai mì): Phun 2-3 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước/lần. Phun vào giai đoạn sau cây 5-7 ngày và lúa đẻ nhánh. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè): Phun 2,5-3 lít/ha/năm. Cách pha 1 lít/300-600 lít nước/lần. Chia làm 3 lần bón mỗi đợt bón cách nhau 30-45 ngày. 3. Cây rau (rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả): Phun 2-3 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/500-1.000 lít nước. Phun 2 lần/vụ, lần 1phun sau trồng/gieo 15 ngày, lần 2 cách lần 1, 30 ngày. 4. Cây ăn quả: Phun 2,5-3,5 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước, phun vào giai đoạn đâm nhánh, tạo tán, dưỡng cây sau thu hoạch hoặc sau khi đốn tỉa cành, tạo tán mới.</p>
13	Phân bón lá NP sinh học	LACTORA	14574	Bón lá <sup>(1)</sup>	<p>1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, sắn/khoai mì): Phun 2-3 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước/lần. Phun vào giai đoạn sau cây 5-7 ngày và lúa đẻ nhánh. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè): Phun 2,5-3 lít/ha/năm. Cách pha 1 lít/300-600 lít nước/lần. Chia làm 3 lần bón mỗi đợt bón cách nhau 30-45 ngày. 3. Cây rau (rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả): Phun 2-3 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/500-1.000 lít nước. Phun 2 lần/vụ, lần 1phun sau trồng/gieo 15 ngày, lần 2 cách lần 1, 30 ngày. 4. Cây ăn quả: Phun 2,5-3,5 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước, phun vào giai đoạn đâm nhánh, tạo tán, dưỡng cây sau thu hoạch hoặc sau khi đốn tỉa cành, tạo tán mới.</p>
14	Phân bón lá NK sinh học	DIAZOTO	14575	Bón lá <sup>(1)</sup>	<p>1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, sắn/khoai mì): Phun 2-3 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước/lần. Phun vào giai đoạn sau cây 5-7 ngày và lúa đẻ nhánh. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè): Phun 2,5-3 lít/ha/năm. Cách pha 1 lít/300-600 lít nước/lần. Chia làm 3 lần bón mỗi đợt bón cách nhau 30-45 ngày.</p>

			<p>Bo (B): 200 ppm; Sắt (Fe): 100 ppm; pH<sub>H<sub>2</sub>O</sub>: 5; Tỷ trọng: 1,14.</p>		<p>3. Cây rau (rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả): Phun 2-3 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/500-1.000 lít nước. Phun 2 lần/vụ, lần 1 phun sau trồng/gieo 15 ngày, lần 2 cách lần 1, 30 ngày. 4. Cây ăn quả: Phun 2,5-3,5 lít/ha/vụ. Cách pha 1 lít/400-800 lít nước, phun vào giai đoạn đâm nhánh, tạo tán, dưỡng cây sau thu hoạch hoặc sau khi đốn tỉa cành, tạo tán mới.</p>		
15	Phân bón lá hỗn hợp NPK	GAP CHISO	14576	<p>Đảm tổng số (N<sub>ts</sub>): 6%; Lân hữu hiệu (P<sub>2</sub>O<sub>5nh</sub>): 3%; Kali hữu hiệu (K<sub>2</sub>O<sub>nh</sub>): 3%; Magie (Mg): 0,4%; Mangan (Mn): 250 ppm; Kẽm (Zn): 300 ppm; Đồng (Cu): 600 ppm; Bo (B): 300 ppm; Molipden (Mo): 30 ppm; pH<sub>H<sub>2</sub>O</sub>: 5; Tỷ trọng: 1,14</p>	Bón lá <sup>(b)</sup>	<p>1) Cây lúa: Pha 50-80 g/8 lít nước/100 m<sup>2</sup>/lần. Phun vào giai đoạn sau cây 5-7 ngày và lúa đẻ nhánh. 2) Cây ăn trái: Sử dụng 60-80 g/8 lít nước/50 m<sup>2</sup>/lần. Phun ở giai đoạn vườn ươm, đâm nhánh tạo tán, dưỡng cây sau thu hoạch hoặc sau khi đốn tỉa cành, tạo tán mới. 3) Đậu đỗ, rau cải, bầu bí: Sử dụng 60-80 g/8 lít nước/50 m<sup>2</sup>/lần. Phun ở giai đoạn vườn ươm, cây non và thời kỳ cây đang lớn. 4) Hoa kiểng: Sử dụng 40-60g/8lít nước/100 m<sup>2</sup>/lần, phun giai đoạn cây non, thời kỳ đang lớn..</p>	24

**Ghi chú:**

- (<sup>a</sup>) Đối với loại phân bón nội dung thể hiện trong ngoặc đơn phải ghi cụ thể tên nước xuất khẩu kèm theo loại phân bón trên nhãn;  
 (<sup>aa</sup>) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện sau số Quyết định công nhận lưu hành trên bao bì, nhãn mác;  
 (<sup>aaa</sup>) Viết tắt dạng phân bón: (<sup>(1)</sup>) - dạng lỏng; (<sup>(b)</sup>) - dạng bột; (<sup>(h)</sup>) - dạng hạt; (<sup>(v)</sup>) - dạng viên; (<sup>(m)</sup>) - dạng mảnh/miếng; (<sup>(k)</sup>) - dạng khác

